TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2024/HNGĐ – ST Ngày 29/5/2024. V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Ngô Văn Tuyển.
2.Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa –Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXX – HNGĐ ngày 08/5/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 31/2024/QĐST-DS ngày 22/5/2024 giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Chợ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).
2.Bị đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn Chợ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi đến với nhau trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện, sau đó chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2012, quyển số: 01/2011, cấp ngày 22 tháng 3 năm 2012.

Từ khi đăng ký kết hôn, chúng tôi chung sống với nhau nhưng không mấy hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn như vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, áp lực tiền bạc, về cách giáo dục con cái, cứ hễ nói chuyện là lại cãi nhau, lâu dần ảnh hưởng đến tâm lý của cả hai và việc học của con. Bên cạnh đó, chồng tôi còn ham mê bài bạc về phá tán tài sản gia đình, không phụ

giúp tôi chăm sóc con và phát triển kinh tế gia đình. Việc mâu thuẫn này gia đình hai bên động viên khuyên nhủ nhiều lần, tôi cũng đã cho chồng tôi nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng chồng tôi vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi nên tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục dung hòa được. Trước nay, tôi vì nghĩ đến tương lai của con và tình cảm hai bên gia đình nên mới cố gắng kéo dài mối quan hệ này. Nhưng đến nay, tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Trần Anh T.

-Về con chung: Chúng tôi chung sống và có với nhau được 02 người con chung là các cháu: Trần Gia P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.Bị đơn anh Trần Anh T vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L, cho chị Lê Thị L ly hôn với anh Trần Anh T.

Về con chung: Giao cháu Trần Gia P sinh ngày 16/10/2012 và cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20/7/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Anh T có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 3 năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Gia P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Anh T đã đến mức trầm trọng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị L xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L, cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Anh T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trần Gia P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Hiện nay các cháu đang sống cùng mẹ, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Trần Anh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do nên không thể xác định được nguyện vọng của anh T đối với con chung. Tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Phát và cháu Châu đang sống cùng mẹ, cháu Trần Gia P có nguyện vọng sống cùng mẹ, việc giao cháu Phát và cháu Châu cho chị L nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu, nguyện vọng của chị L là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cháu Trần Gia P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Trần Anh T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chị Lê Thị L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét thấy ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Anh T.

2.Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Anh T có 02 con chung là cháu Trần Gia P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020.

Giao cháu Trần Gia P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Anh T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chị Lê Thị L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0003580 ngày 01/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND H.Krông Pắc;
-Chi cục THADS H.K;
-UBND xã K, H.K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H’ Năm Bkrông